CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
Date: 2022.08.09 14:12:47 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

MỤC LỤC **Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 1 - 3

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ 4

Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ 5 - 6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 7
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 8
- Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 3889954
- Fax: (0236) 3889957
- Website: www.iseebooks.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 54 người, trong đó cán bộ quản lý là 13 người.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Ông Ông Thừa Phú	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Ông Nguyễn Lê Văn	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Bà Lê Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Bà Phạm Thị Thu Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 Miễn nhiệm ngày 31/03/2022

Ban Kiểm soát

• Ông Trần Công Thanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Huỳnh Thanh Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Phạm Minh Nhật	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Hồ Phú Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Đặng Công Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
• Bà Hồ Đoàn Thiên Kim	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 Miễn nhiệm ngày 31/03/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017
• Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/03/2020
• Bà Lê Ngọc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữu niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 789/2022/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 08/08/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 08 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**283.601.233.762**	**103.934.994.447**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**21.187.016.558**	**28.771.438.999**
1. Tiền	111		5.187.016.558	2.871.438.999
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.000.000.000	25.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**6.158.600.000**	**16.149.600.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	4.237.145.000	4.237.145.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(78.545.000)	(87.545.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6b	2.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**234.515.708.277**	**28.955.185.908**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	233.427.923.144	28.511.669.720
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.253.809.372	439.690.573
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.363.801.702	1.699.033.590
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.543.247.617)	(1.708.629.651)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		13.421.676	13.421.676
IV. Hàng tồn kho	**140**	**11**	**19.764.576.652**	**26.504.585.897**
1. Hàng tồn kho	141		38.659.296.278	44.338.038.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.894.719.626)	(17.833.452.120)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.975.332.275**	**3.554.183.643**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	1.975.332.275	3.554.183.643
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**24.934.493.995**	**25.666.571.453**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**17.794.741.437**	**18.492.216.937**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	9.895.064.437	10.569.541.937
- Nguyên giá	*222*		*20.412.316.756*	*20.370.416.756*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(10.517.252.319)*	*(9.800.874.819)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	7.899.677.000	7.922.675.000
- Nguyên giá	*228*		*8.114.999.000*	*8.114.999.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(215.322.000)*	*(192.324.000)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**6.799.500.000**	**6.799.500.000**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6c	5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6c	1.350.000.000	1.350.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6c	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**340.252.558**	**374.854.516**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	340.252.558	374.854.516
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**308.535.727.757**	**129.601.565.900**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2022

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**214.975.024.637**	**38.311.630.918**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**214.975.024.637**	**38.311.630.918**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15a	161.984.028.312	16.525.544.613
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	336.906.631	1.144.191.909
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.098.574.458	1.792.723.796
4.	Phải trả người lao động	314		10.579.071.722	2.424.852.259
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	34.143.234.435	15.666.372.079
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	49.004.215	39.297.700
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.784.204.864	718.648.562
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		-	-
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**93.560.703.120**	**91.289.934.982**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**93.560.703.120**	**91.289.934.982**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	50.000.000.000	50.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*50.000.000.000*	*50.000.000.000*
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2.	Cổ phiếu quỹ	415	20	(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	20	9.164.120.153	8.500.731.821
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	37.303.943.934	35.696.564.128
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*28.016.507.280*	*25.327.711.412*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*9.287.436.654*	*10.368.852.716*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**308.535.727.757**	**129.601.565.900**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Quang Dũng	Lê Ngọc	Nguyễn Hà Khiêm

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
1.	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	288.857.567.752	203.081.100.165
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	1.038.954.013	2.087.826.549
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		287.818.613.739	200.993.273.616
4.	Giá vốn hàng bán	11	23	225.879.494.716	141.920.038.014
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ**	**20**		**61.939.119.023**	**59.073.235.602**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.284.169.182	1.134.114.539
7.	Chi phí tài chính	22	25	208.249.816	303.803.187
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	*130.668.075*
8.	Chi phí bán hàng	25	26	32.571.260.833	30.125.237.782
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	13.689.884.817	12.436.566.000
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**16.753.892.739**	**17.341.743.172**
11.	Thu nhập khác	31		2.159.016	5.830.847
12.	Chi phí khác	32		37.616	4.200.000
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**2.121.400**	**1.630.847**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**16.756.014.139**	**17.343.374.019**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	3.488.247.492	3.662.266.076
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**13.267.766.647**	**13.681.107.943**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.136	2.349
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	2.136	2.349

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Quang Dũng	Lê Ngọc	Nguyễn Hà Khiêm

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		75.350.993.308	83.044.638.401
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(78.207.330.602)	(93.051.963.512)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.726.163.704)	(5.696.943.259)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	(130.668.075)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(840.315.063)	(158.423.405)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		133.972.077	641.406.607
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.919.725.200)	(3.118.288.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(12.208.569.184)**	**(18.470.241.565)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13	(41.900.000)	(897.611.784)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6b	-	(10.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6b	10.000.000.000	12.749.647.100
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,24	1.654.846.743	1.113.911.800
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**11.612.946.743**	**2.965.947.116**
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	58.413.754.067
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(58.413.754.067)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20e	(6.988.800.000)	(6.988.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(6.988.800.000)**	**(6.988.800.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(7.584.422.441)**	**(22.493.094.449)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	28.771.438.999	25.290.231.554
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**5**	**21.187.016.558**	**2.797.137.105**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Quang Dũng	Lê Ngọc	Nguyễn Hà Khiêm

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 08 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In và phát hành sách.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Các Công ty liên kết tại thời điểm 30/06/2022 bao gồm:

- Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng;
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2022 (bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 30/06/2022).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gởi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Website	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ.

- Tiền thuê đất đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến các khoản lãi vay phải trả, các khoản hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh tại Công ty là hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính của Công ty gồm: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo không bổ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%;
  - ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%. Từ 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty được giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng theo quy định tại Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền mặt	102.131.436	93.402.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.084.885.122	2.778.036.999
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	16.000.000.000	25.900.000.000
Cộng	**21.187.016.558**	**28.771.438.999**

6. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết (*)						
- Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM (STC)	408.545.000	330.000.000	78.545.000	408.545.000	321.000.000	87.545.000
- Công ty CP Sách GD tại TP Đà Nẵng (DAE)	3.828.600.000	5.743.200.000	-	3.828.600.000	5.503.900.000	-
Cộng	**4.237.145.000**	**6.073.200.000**	**78.545.000**	**4.237.145.000**	**5.824.900.000**	**87.545.000**

(*) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	2.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	**2.000.000.000**	**12.000.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Đầu tư tài chính dài hạn

		30/06/2022			01/01/2022		
	Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000	-		5.449.500.000	-	
- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (1)	*20%*	*2.530.000.000*	-		*2.530.000.000*	-	
- Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB) (2)	*25,92%*	*2.919.500.000*	-	*3.357.425.000*	*2.919.500.000*	-	*3.707.765.000*
Đầu tư vào đơn vị khác		1.350.000.000	-		*1.350.000.000*	-	
- Công ty CP DV Xuất bản GD Đà Nẵng (3)	*8,76%*	*350.000.000*	-		*350.000.000*	-	
- Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMN) (4)	*2,27%*	*1.000.000.000*	-	*1.400.000.000*	*1.000.000.000*	-	*1.370.000.000*
Cộng		**6.799.500.000**	-		**6.799.500.000**	-	

Tất cả các Công ty nhận đầu tư đều không có lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

(1), (3) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 30/06/2022. Do đó, Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn này.

(2), (4) Cổ phiếu của các công ty này đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo đó, giá trị hợp lý của cổ phiếu này được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 30/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

7. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình	43.914.285.246	6.590.072.937
Công ty CP Sách và Thiết bị Quảng Ngãi	47.758.675.527	6.333.958.671
Công ty CP Phát triển Giáo dục Quảng Nam	24.802.900.075	-
Công ty TNHH Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Nam	25.650.435.340	1.872.093.126
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thừa Thiên Huế	24.397.920.792	3.883.877.511
Các đối tượng khác	66.903.706.164	9.831.667.475
Cộng	**233.427.923.144**	**28.511.669.720**

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	23.111.630.475	3.224.681.585
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	9.603.878.580	251.556.886
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	691.947.090	-
Cộng	**33.407.456.145**	**3.476.238.471**

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Ông Đoàn Dũng Sĩ	166.670.100	166.670.100
Bà Lại Thị Thìn	200.000.000	-
Các đối tượng khác	887.139.272	273.020.473
Cộng	**1.253.809.372**	**439.690.573**

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.189.680.743	-	1.267.576.056	-
Phải thu khác	174.120.959	-	431.457.534	-
- Lãi dự thu	*32.610.959*	-	*431.457.534*	-
- Các khoản khác	*141.510.000*	-	-	-
Cộng	**1.363.801.702**	-	**1.699.033.590**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	1.543.247.617	1.708.629.651
- Trên 3 năm	*1.285.204.544*	*1.592.795.290*
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	*175.876.430*	*18.637.150*
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	*57.784.080*	*87.436.388*
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	*24.382.563*	*9.760.823*
Cộng	**1.543.247.617**	**1.708.629.651**

11. Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.582.204.607	-	3.467.021.194	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.972.750.588	-	17.899.330.673	-
Thành phẩm	23.104.341.083	18.894.719.626	22.971.686.150	17.833.452.120
Cộng	**38.659.296.278**	**18.894.719.626**	**44.338.038.017**	**17.833.452.120**

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2022.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ cho hàng tồn kho	1.897.167.275	3.523.851.826
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	30.331.817
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	78.165.000	-
Cộng	**1.975.332.275**	**3.554.183.643**

b. Dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Hòa Cầm (*)	340.252.558	374.854.516
Cộng	**340.252.558**	**374.854.516**

(*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2027.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	15.491.542.983	4.248.609.091	630.264.682	20.370.416.756
Mua sắm trong kỳ	-	-	41.900.000	41.900.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**15.491.542.983**	**4.248.609.091**	**672.164.682**	**20.412.316.756**
Khấu hao				
Số đầu năm	6.972.761.320	2.265.345.317	562.768.182	9.800.874.819
Khấu hao trong kỳ	398.082.000	264.144.000	54.151.500	716.377.500
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**7.370.843.320**	**2.529.489.317**	**616.919.682**	**10.517.252.319**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.518.781.663	1.983.263.774	67.496.500	10.569.541.937
Số cuối kỳ	**8.120.699.663**	**1.719.119.774**	**55.245.000**	**9.895.064.437**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 2.006.643.273 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 30/06/2022.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.799.999.000	315.000.000	8.114.999.000
Mua sắm trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	**7.799.999.000**	**315.000.000**	**8.114.999.000**
Khấu hao			
Số đầu năm	-	192.324.000	192.324.000
Khấu hao trong kỳ	-	22.998.000	22.998.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	**-**	**215.322.000**	**215.322.000**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.799.999.000	122.676.000	7.922.675.000
Số cuối kỳ	**7.799.999.000**	**99.678.000**	**7.899.677.000**

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 7.799.999.000 đồng tại 145-147 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng hiện sử dụng làm trụ sở Công ty.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 85.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	10.450.987.542	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	132.469.804.519	3.729.653.171
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	5.587.903.387	2.004.853.110
Các đối tượng khác	13.475.332.864	10.791.038.332
Cộng	**161.984.028.312**	**16.525.544.613**

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2022	01/01/2022
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	132.469.804.519	3.729.653.171
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	10.450.987.542	-
Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	982.716.261	173.574.098
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	5.587.903.387	2.004.853.110
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	3.721.440.463	314.039.341
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	1.207.318.000	226.440.500
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	2.240.753.780	554.773.700
Công ty CP Học Liệu	192.000.000	-
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	509.191.765	335.990.960
Cộng	**157.362.115.717**	**7.339.324.880**

16. Người mua trả tiền trước

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Crown Worldwide	316.800.000	316.800.000
Các đối tượng khác	20.106.631	827.391.909
Cộng	**336.906.631**	**1.144.191.909**

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	110.708.673	612.995.443	212.685.564	511.018.552
Thuế thu nhập doanh nghiệp	807.812.751	3.488.247.492	840.315.063	3.455.745.180
Thuế thu nhập cá nhân	874.202.372	379.775.325	1.122.166.971	131.810.726
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**1.792.723.796**	**4.484.018.260**	**2.178.167.598**	**4.098.574.458**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
Phí quản lý xuất bản, tổ chức bản thảo, bản quyền	24.073.056.055	15.666.372.079
Chi phí tập huấn giáo viên và các chi phí liên quan tài liệu tập huấn SGK, SGV, SBT, STC,...	10.070.178.380	-
Cộng	**34.143.234.435**	**15.666.372.079**

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	39.478.672	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho chủ sở hữu	320.000	320.000
Phải trả khác	9.205.543	38.977.700
Cộng	**49.004.215**	**39.297.700**

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2021	**50.000.000.000**	**(2.907.360.967)**	**7.809.474.973**	**32.316.511.412**
Tăng trong năm	-		691.256.848	13.825.136.957
Giảm trong năm	-	-	-	10.445.084.241
Số dư tại 31/12/2021	**50.000.000.000**	**(2.907.360.967)**	**8.500.731.821**	**35.696.564.128**
Số dư tại 01/01/2022	**50.000.000.000**	**(2.907.360.967)**	**8.500.731.821**	**35.696.564.128**
Tăng trong kỳ	-	-	663.388.332	13.267.766.647
Giảm trong kỳ	-	-	-	11.660.386.841
Số dư tại 30/06/2022	**50.000.000.000**	**(2.907.360.967)**	**9.164.120.153**	**37.303.943.934**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
Cộng	**50.000.000.000**	**50.000.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*5.000.000*	*5.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	340.800	340.800
- Cổ phiếu phổ thông	*340.800*	*340.800*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu phổ thông	*4.659.200*	*4.659.200*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	35.696.564.128	32.316.511.412
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	13.267.766.647	13.825.136.957
Phân phối lợi nhuận (*)	11.660.386.841	10.445.084.241
Phân phối lợi nhuận năm trước	7.680.056.848	6.988.800.000
- Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi	*691.256.848*	-
- Chia cổ tức cho các cổ đông	*6.988.800.000*	*6.988.800.000*
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	3.980.329.993	3.456.284.241
- Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	*663.388.332*	*691.256.848*
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	*2.653.553.329*	*2.073.770.545*
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (5%)	*663.388.332*	*691.256.848*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**37.303.943.934**	**35.696.564.128**

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 04/NQ-DEIDCO ngày 31/03/2022.

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 04/NQ-DEIDCO ngày 31/03/2022 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng: 6.988.800.000 đồng). Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông vào ngày 03/03/2022 và chi trả cổ tức cho cổ đông từ ngày 28/03/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tổng doanh thu	288.857.567.752	203.081.100.165
+ Doanh thu sách bổ trợ, sách giáo khoa	*274.939.054.063*	*184.930.078.270*
+ Doanh thu sách tham khảo	*11.490.465.005*	*14.999.460.254*
+ Doanh thu hoạt động khác	*2.428.048.684*	*3.151.561.641*
Cộng	**288.857.567.752**	**203.081.100.165**

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Hàng bán bị trả lại	1.038.954.013	2.087.826.549
+ Hàng bán bị trả lại sách bổ trợ, sách giáo khoa	*744.007.613*	*1.585.197.959*
+ Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	*294.946.400*	*502.628.590*
Cộng	**1.038.954.013**	**2.087.826.549**

23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Giá vốn hàng bán	224.818.227.210	141.613.210.358
+ Giá vốn sách bổ trợ, sách giáo khoa	*213.406.603.536*	*127.446.636.715*
+ Giá vốn sách tham khảo	*9.409.025.781*	*11.897.373.494*
+ Giá vốn hoạt động khác	*2.002.597.893*	*2.269.200.149*
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.061.267.506	306.827.656
Cộng	**225.879.494.716**	**141.920.038.014**

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	268.890.168	240.632.039
Cổ tức, lợi nhuận được chia	987.110.000	893.482.500
Chiết khấu thanh toán nhanh	28.169.014	-
Cộng	**1.284.169.182**	**1.134.114.539**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí lãi vay	-	130.668.075
Chiết khấu thanh toán	217.249.816	356.945.112
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(9.000.000)	(183.810.000)
Cộng	**208.249.816**	**303.803.187**

26. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	3.327.494.207	1.630.412.976
Chi phí nhân viên bán hàng	7.398.555.648	6.775.160.875
Các khoản khác	21.845.210.978	21.719.663.931
- Chi phí khấu hao	*253.714.000*	*249.166.000*
- Chi phí tập huấn, giao dịch, hội nghị, khánh tiết,...	*10.482.583.798*	*10.117.567.614*
- Chi phí tuyên truyền quảng cáo, giới thiệu sách,...	*10.473.592.519*	*10.730.400.229*
- Chi phí khác	*635.320.661*	*622.530.088*
Cộng	**32.571.260.833**	**30.125.237.782**

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	3.384.083.672	2.711.212.021
Chi phí nhân viên quản lý	7.398.555.651	6.773.410.775
Các khoản khác	2.907.245.494	2.951.943.204
- Chi phí khấu hao	*485.661.500*	*422.556.000*
- (Hoàn nhập)/Dự phòng nợ phải thu khó đòi	*(165.382.034)*	*435.297.819*
- Chi phí khác	*2.586.966.028*	*2.094.089.385*
Cộng	**13.689.884.817**	**12.436.566.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.756.014.139	17.343.374.019
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	685.223.322	967.956.356
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	1.672.333.322	1.861.438.856
Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	987.110.000	893.482.500
Tổng thu nhập chịu thuế	17.441.237.461	18.311.330.375
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**3.488.247.492**	**3.662.266.076**

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.267.766.647	13.681.107.943
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(3.316.941.662)	(2.736.221.589)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)	*3.316.941.662*	*2.736.221.589*
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.950.824.985	10.944.886.354
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	**2.136**	**2.349**

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.183.510.819	26.287.044.852
Chi phí nhân công	14.797.111.299	13.548.571.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	739.375.500	671.722.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.068.586.724	32.950.538.927
Chi phí khác bằng tiền	22.177.371.791	22.614.503.548
Cộng	**106.965.956.133**	**96.072.380.977**

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là các tỉnh Miền Trung, Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có nợ vay và giao dịch ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Đối với chi phí công in thì các nhà in chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nên giá cả ổn định, ít biến động. Đối với chi phí giấy, để đảm bảo tính ổn định giá thành sản phẩm, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động giá để có phương án dự trữ nguyên vật liệu phù hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng truyền thống của Công ty chủ yếu là các công ty Sách và Thiết bị tại các tỉnh, phát sinh giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán kịp thời nên Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với nhóm khách hàng này. Đối với nhóm khách hàng đại lý, hiện nay tồn tại một số khoản nợ đã quá hạn thanh toán, Công ty quản lý rủi ro này bằng cách tăng cường các biện pháp thu hồi nợ và trích lập dự phòng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty rủi ro tính dụng của Công ty ở mức kiểm soát được.

Rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	161.984.028.312	-	161.984.028.312
Chi phí phải trả	34.143.234.435	-	34.143.234.435
Phải trả khác	9.525.543	-	9.525.543
Cộng	**196.136.788.290**	**-**	**196.136.788.290**

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	16.525.544.613	-	16.525.544.613
Chi phí phải trả	15.666.372.079	-	15.666.372.079
Phải trả khác	39.297.700	-	39.297.700
Cộng	**32.231.214.392**	**-**	**32.231.214.392**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.187.016.558	-	21.187.016.558
Đầu tư tài chính	6.158.600.000	1.350.000.000	7.508.600.000
Phải thu khách hàng	231.884.675.527	-	231.884.675.527
Phải thu khác	174.120.959	-	174.120.959
Cộng	**259.404.413.044**	**1.350.000.000**	**260.754.413.044**

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.771.438.999	-	28.771.438.999
Đầu tư tài chính	16.149.600.000	1.350.000.000	17.499.600.000
Phải thu khách hàng	26.803.040.069	-	26.803.040.069
Phải thu khác	431.457.534	-	431.457.534
Cộng	**72.155.536.602**	**1.350.000.000**	**73.505.536.602**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Công ty liên kết
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ kế toán

Mua hàng	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	147.532.038.292	63.332.327.805
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	1.750.686.261	2.816.395.402
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	5.760.007.336	4.633.345.657
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội	1.586.205.500	1.311.458.500
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	11.553.844.732	8.396.763.040
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	6.470.306.190	3.749.005.024
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	2.357.814.511	1.576.573.280
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	2.941.974.280	2.847.088.320
Công ty CP Học Liệu	564.600.000	1.575.654.000

Bán hàng	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	9.843.537.380	10.901.099.843
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	25.097.751.631	15.159.730.160
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	795.821.607	469.170.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao và lương của các thành viên quản lý chủ chốt

		6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
Thù lao Hội đồng quản trị		**65.000.000**	**65.000.000**
Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch Công ty từ ngày 29/03/2021	20.000.000	8.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch Công ty đến ngày 29/03/2021	-	12.000.000
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	15.000.000	15.000.000
Ông Ông Thừa Phú	Thành viên từ ngày 31/03/2022	4.000.000	-
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên đến ngày 31/03/2022	6.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	10.000.000	10.000.000
Bà Lê Ngọc	Thành viên	10.000.000	10.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát		**11.000.000**	**12.500.000**
Tiền lương của ban điều hành		**748.417.824**	**756.535.800**

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Quang Dũng	Lê Ngọc	Nguyễn Hà Khiêm

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 08 năm 2022